

Số: ~~537~~/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 06 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thực hiện Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ/hủy bỏ, hủy công khai lĩnh vực đấu thầu, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;


Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình (*phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Bãi bỏ 20 thủ tục hành chính ban hành tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (*phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm tin học – Công báo;
- Lưu: VT, VP11, VP4.

MT02/2018/TTHC

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Quang Thìn



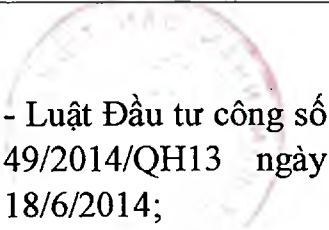
Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành theo Quyết định số 537 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Ninh Bình)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông		
I. Lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)						
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất. BKH-NBI-272065	- Đối với dự án nhóm A: Tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Đối với dự án nhóm B: Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ.
2	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất. BKH-NBI-272066	Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: - Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày; - Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày; - Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	

3	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất. BKH-NBI-272067	Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh: - Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày; - Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày; - Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	 <p>- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ.</p>
II. Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn						
4	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ. BKH-NBI-272036	- Đối với trường hợp sử dụng ngân sách địa phương: 15 ngày làm việc. - Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương: thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư		Không	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

III. Lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Mục 1. Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

5	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. BKH-NBI-272057	Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.
6	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. BKH-NBI-272058	Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017;
7	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. BKH-NBI-272059	Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	Không	- Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.

8	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. BKH-NBI-272060	Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	Không	
9	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư. BKH-NBI-272061	Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	Chưa quy định	
Mục 2. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn						
10	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn. BKH-NBI-272062	Không quy định	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017;
11	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp. BKH-NBI-272064	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	Không	- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.

IV. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp

12	<p>Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân. BKH-NBI-271833</p>	<p>- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực. - Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>X</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp: 100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính.</p>
----	---	--	--	----------	--	--

13	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên. BKH-NBI-271834	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp: 100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số
14	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên. BKH-NBI-271835	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		
15	Đăng ký thành lập công ty cổ phần. BKH-NBI-271884	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		
16	Đăng ký thành lập công ty hợp danh. BKH-NBI-271885	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		

17	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh). BKH-NBI-271890	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính.
18	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần. BKH-NBI-271902	- Trường hợp hồ sơ thông báo thay đổi thông tin không hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc. - Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	
19	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh). BKH-NBI-271906	Sau khi Phòng Đăng ký kinh doanh/Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh thuộc Cục Quản lý đăng ký kinh doanh nhận được phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp và Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	- Phí công bố: 300.000 đồng/ lần. - Miễn phí trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính. - Miễn phí công bố lần đầu trong trường hợp doanh nghiệp chuyên đổi từ hộ kinh doanh.	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP

20	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh). BKH-NBI-271904	Khi nhận Thông báo mẫu con dấu/Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu, số lượng con dấu/Thông báo về việc huỷ mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp, Phòng đăng ký kinh doanh trao giấy biên nhận và thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	Miễn phí khi công bố mẫu con dấu.	ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính.
21	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân. BKH-NBI-271919	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	Không	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT

						ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính.
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. BKH-NBI-271937	- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 100.000 đồng/lần, - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của

		<p>đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.</p> <p>- Trường hợp thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là không trung thực, không chính xác thì Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật và yêu cầu doanh nghiệp làm lại hồ sơ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.</p>				<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính.
--	--	---	--	--	--	--



Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ/HỦY BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành theo Quyết định số 537 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Ninh Bình)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH BỊ BÃI BỎ/HỦY BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ chế thực hiện		Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC	Ghi chú
			Một cửa	Một cửa liên thông		
I. Lĩnh vực đấu thầu						
1	BKH-NBI-271843	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	X		Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
2	BKH-NBI-271844	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	X			
3	BKH-NBI-271854	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	X			
4	BKH-NBI-271855	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	X			

II. Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn						
5	BKH-NBI-272036	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	X		Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 và Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT hết hiệu lực thi hành	Thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
III. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp						
6	BKH-NBI-271833	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân		X	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
7	BKH-NBI-271834	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên		X		
8	BKH-NBI-271835	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên		X		
9	BKH-NBI-271884	Đăng ký thành lập công ty cổ phần		X		
10	BKH-NBI-271885	Đăng ký thành lập công ty hợp danh		X		
11	BKH-NBI-271902	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần		X		

12	BKH-NBI-271890	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
13	BKH-NBI-271906	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X		
14	BKH-NBI-271907	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X		
15	BKH-NBI-271919	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân		X		
16	BKH-NBI-271937	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		X		

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN BỊ BÃI BỎ/HỦY BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ chế thực hiện		Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC	Ghi chú
			Một cửa	Một cửa liên thông		
I. Lĩnh vực đấu thầu						
17	BKH-NBI-271854	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu			Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
18	BKH-NBI-271855	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu				

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ BỊ BÃI BỎ/HỦY BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ chế thực hiện		Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC	Ghi chú
			Một cửa	Một cửa liên thông		
I. Lĩnh vực đấu thầu						
19	BKH-NBI-271854	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu			Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tục hành chính được ban hành tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
20	BKH-NBI-271855	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu				